

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 569/2020/HS-PT

Ngày: 08/12/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Minh Châu

2. Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 468/2020/HS-PT ngày 19/10/2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị D và các đồng phạm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5785/2020/QĐXXPT-HS ngày 18/11/2020, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 176/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị D; sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 512/5A đường Cù Lao, Phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 309/28, Khu phố 7, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: (không); nghề nghiệp: (không); con ông (không xác định) và bà Nguyễn Thị Tám (chết); hoàn cảnh gia đình: không có chồng, có 2 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: Nguyễn Văn P; sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: T4, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 285 đường TTC, T10, KP3, phường TA, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Văn M và bà Mai Thị T; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Cao Thị Ha, có 2 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3.Họ và tên: Lê Minh H; sinh năm 1981 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 101/18/7D, A4, xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: (không); con ông Lê Hữu G và bà Trần Thị Ph; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Phạm Thị Hồng T, có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4.Họ và tên: Lê Đình Du; sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Đ1, thôn TK, xã TT, huyện NC, tỉnh TH; nơi cư trú: T1, ấp TA, xã TVH, huyện TU, tỉnh BD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Lê Đình K và bà Vũ Thị N; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5.Họ và tên: Dương Quốc T; sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 196/6 đường TXS, K4, phường TH, Q7, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 861/27/20A/5 đường TXS, K4, phường TH, Q7, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông DVS (chết) và bà Hoa Thị Kim D; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6.Họ và tên: Phan Minh V; sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: ấp TS, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: **9/12**; nghề nghiệp: công nhân; con ông Phan Quang T và bà Nguyễn Thị L; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7.Họ và tên: Lê Văn C; sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: 192/PTH, xã PT, huyện BT, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 399/13 đường LVK, T53, K5, phường HT, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai rằng đã chuyển đến cư trú tại nhà không số, hẻm 97, phường HT, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Lê Văn C và bà Mai Thị H; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo không có kháng cáo: **Hoàng Trung;** sinh năm 1955.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, các bị cáo Nguyễn Thị D, Phan Minh V và Lê Văn C cùng tham gia đánh bạc với nhau tại bãi đất trống lề đường gần nhà của chị Nguyễn Thị Kim Phượng tại địa chỉ số 667/4, Tổ 53C, Khu phố 5, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong lúc chơi, D đưa có cho chị Phượng 100.000đ, C đưa cho chị Phượng 20.000đ để nhờ chị Phượng mua bài và nước uống. Sau khi nhận tiền của D và Chí, chị Phượng đi chợ. Trong lúc chị Phượng đi chợ, các bị cáo tiếp tục chơi. Khoảng hơn 8 giờ cùng ngày thì trời bắt đầu nắng nên tất cả dời vào nhà chị Phượng và tiếp tục chơi. Khoảng 9 giờ cùng ngày thì có thêm Hoàng Trung, Lê Đình Du, Lê Minh H và Dương Quốc T đến và cùng tham gia chơi; đến khoảng 9 giờ 20 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn P đến và tham gia chơi. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc D, V, T, Chí, Trung, Du, H và P đang tham gia đánh bạc thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 12 kết hợp với Công an phường Hiệp Thành, Quận 12 ập đến bắt quả tang. Lực lượng công an đã thu giữ một số vật chứng như sau:

- 22.400.000đ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc;
- 01 bộ bài tây 52 lá;
- 09 cái ghế nhựa;
- 01 cái bàn gỗ.

Trong quá trình điều tra, xác định được như sau:

Các bị cáo đánh bạc dưới hình thức chơi “Bài cào liêng”, với cách thức như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài “tây” 52 lá, chia cho mỗi người 1 tụ bài 3 lá, giá trị của mỗi tụ bài được tính từ nhỏ đến lớn là từ 0 nút đến 9 nút (tương ứng với số lẻ của tổng 3 lá bài, trong đó các lá 10 và lá “tây” được tính là 10), tụ bài có giá trị lớn nhất là có 3 lá “tây”. Sau khi chia bài, người chơi bí mật xem tụ bài của mình và tố từ 50.000đ đến 100.000đ. Khi có người tố thì những người còn lại có quyền theo hoặc không theo. Người không theo thì sẽ bị thua 50.000đ. Những người đồng ý theo thì sẽ cùng người tố mở bài để tính thắng thua. Bài của người nào có giá trị lớn nhất thì sẽ thắng và được hưởng toàn bộ số tiền mà những người khác đã bỏ vào để chơi (bao gồm tiền của những người không theo và những người tố theo). Trong trường hợp có người tố mà không có ai theo thì người tố sẽ được nhận toàn bộ tiền mà những người chơi phải bỏ ra (mỗi người 50.000đ).

Hành vi tham gia đánh bạc của từng bị cáo như sau:

- D mang theo 1.000.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, D thắng cược 2.300.000đ. D đưa cho chị Phụng 100.000đ nhờ mua bài và nước uống. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của D 3.200.000đ.

- P mang theo 3.000.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, P thua 50.000đ. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của P 2.950.000đ.

- H mang theo 700.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, H thua 200.000đ. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của H 500.000đ.

- Trung mang theo 1.000.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, Trung thua 50.000đ. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của Trung 950.000đ.

- C mang theo 200.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, C thắng 300.000đ. C đưa cho chị Phụng 20.000đ để nhờ mua bài. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của C 480.000đ.

- Du mang theo 4.000.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, Du thua 600.000đ. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của Du 3.400.000đ.

- V mang theo 9.500.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, V thua 1.050.000đ. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của V 8.450.000đ.

- T mang theo 3.000.000đ để đánh bạc. Trong quá trình chơi, T thua 700.000đ. Khi bắt quả tang, lực lượng công an thu giữ của T 2.300.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 168/CTr-VKS ngày 03/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D, Phan Minh Vũ, Dương Quốc T, Lê Văn Chí, Hoàng Trung, Lê Đình Du, Lê Minh H, Nguyễn Văn P về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 176/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Phan Minh Vũ, Dương Quốc T, Lê Văn Chí, Lê Đình Du, Lê Minh H và Nguyễn Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 1 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Xử phạt bị cáo Phan Minh V 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Xử phạt bị cáo Dương Quốc T 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 1 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Xử phạt bị cáo Lê Đình Du 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Xử phạt bị cáo Lê Minh H 1 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt Hoàng Trung 1 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 (hai) năm tính từ ngày tuyên án, phạt bổ sung 10.000.000đ; tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 17/9/2020, bị cáo Phan Minh V có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 11/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, từ trước đến nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước; mới phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải chạy xe Grab để kiếm sống nuôi cha mẹ già, vợ và 2 con nhỏ, con nhỏ nhất của bị cáo mới 15 tháng tuổi. Với các lý do đã nêu, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 11/9/2020, bị cáo Dương Quốc T có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo có con còn nhỏ (sinh ngày 15/5/2020), bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 11/9/2020, bị cáo Lê Minh H có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, phải chạy xe Grab để kiếm sống nuôi cha mẹ già, và 3 con nhỏ, con nhỏ nhất của bị cáo mới 24 tháng tuổi. Nếu bị cáo bị cách ly khỏi xã hội thì không có ai nuôi cha mẹ, vợ con bị cáo. Với các lý do đã nêu, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 15/9/2020, bị cáo Lê Văn C có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo hành nghề chạy xe ôm, là lao động chính trong gia đình, có 1 con nhỏ sinh năm 2017, cơ không có việc làm, số tiền mà bị cáo đánh bạc chỉ có 200.000đ. Với lý do đã nêu, bị cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/9/2020, bị cáo Lê Đình Du có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo phạm tội lần đầu, là tội ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn, cha mẹ bị cáo đã già yếu nhưng không có người phụng dưỡng, mức án 15 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo Hội đồng xét cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc là cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Ngày 16/9/2020, bị cáo Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng, chưa xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo như gia đình bị cáo là gia đình cận nghèo, bị cáo bị bệnh tiểu đường và thoái hóa cột sống, bị cáo và các con không có việc làm ổn định.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo có cung cấp một số tài liệu chứng cứ như sau:

– Bị cáo D cung cấp: Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường TX, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh, xác nhận hộ Nguyễn Thị D là hộ cận nghèo, có mã số là 7976126764070659HCN; “Kết quả siêu âm” ngày 19/11/2020 của Bệnh viện quận Phú Nhuận, xác nhận bị cáo D bị Nang Naboth cổ tử cung.

– Bị cáo Phan Minh V cung cấp: “Đơn xin xác nhận” và “Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn”, có nội dung xác nhận của Công an xã XT và Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, xác nhận bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các quy định tại địa phương; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có cha mẹ bị bệnh tật.

– Bị cáo Dương Quốc T cung cấp văn bản của phường TH, Q7, xác nhận bị cáo tạm trú tại địa chỉ 861/27/20A/5 đường TXS, K4, phường TH, Q7, Thành

phố Hồ Chí Minh; trong thời gian sinh sống tại địa phương chưa có vi phạm pháp luật.

– Bị cáo Lê Đình Du cung cấp văn bản “Giấy xin xác nhận” đề ngày 02/12/2020 của ông Lê Đình K (cha Lê Đình Du), có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa, xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và cùng bổ sung nội dung kháng cáo như sau: Hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo như sau:

Đối với các bị cáo D, Chí, Du, T, H và P: Các bị cáo đều mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; thuộc thành phần lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; số tiền sử dụng đánh bạc không lớn. Các bị cáo có nhiều tính tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, Chí, Du, T, H và P; giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo.

Đối với bị cáo V: V cũng có các tình tiết giảm nhẹ đó là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; thuộc thành phần lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, V sử dụng 9.500.000đ để đánh bạc, đây là số tiền lớn. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V về xin hưởng án treo, giữ nguyên hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo D, C, Du, T, H và P không có ý kiến bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Bị cáo V bào chữa như sau: Vào ngày xảy ra sự việc, bị cáo có cầm tiền đi mua thuốc cho gia đình, khi thấy có chơi bài nên vì ham vui nên tham gia chơi. Khi bị bắt, vì sợ nên bị cáo khai đã sử dụng số tiền đã nêu để đánh bạc, chứ sự thật không phải bị cáo sử dụng 9.500.000đ. Tuy nhiên, vì sợ khai lại sẽ gặp rắc rối nên bị cáo không khai lại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc cha già bị mù và các con bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng: Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, tại nhà số 667/4, Tổ 53c, Khu phố 5, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Nguyễn Thị D, Phan Minh Vũ, Dương Quốc T, Lê Văn Chí, Lê Đình Du, Lê Minh H và Nguyễn Văn P đã có hành vi đánh bạc với nhau thông qua hình thức chơi “bài cào liêng”, được thua bằng tiền. Trong lúc các bị cáo đang chơi, thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng để tham gia đánh bạc là 22.400.000đ.

[2]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm, nhưng do động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm pháp luật.

[3]. Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo đều thuộc thành phần lao động, chưa có tiền án, tiền sự; mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn; mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là không cao; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình cho các bị cáo là có căn cứ.

Bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, bản thân mang bệnh nang Naboth cổ tử cung, không rõ cha là ai, mẹ bị cáo thì đã chết, bị cáo không có chồng nhưng có 2 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005); số tiền sử dụng tham gia đánh bạc chỉ có 1.000.000đ.

Theo nội dung trình bày của bị cáo V và được Công an xã XT và Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai xác nhận thì bị cáo V cũng có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có cha mẹ đều bị bệnh tật; bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các quy định tại địa phương.

Theo văn bản “Giấy xin xác nhận” đề ngày 02/12/2020 của ông Lê Đình K (cha Lê Đình Du), có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa, thì bị cáo Du là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo P thì có 02 con còn nhỏ, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; số tiền sử dụng tham gia đánh bạc chỉ có 200.000đ. Bị cáo H cũng có 3 con còn nhỏ, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016; số tiền sử dụng tham gia đánh bạc chỉ có 700.000đ. Bị cáo T có 01 con còn nhỏ (sinh ngày 15/5/2020), bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bị cáo C số tiền sử dụng tham gia đánh bạc không đáng kể (chỉ có 200.000đ).

Với các lý do đã nêu, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Các bị cáo đều là những người có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; ngoài lần phạm tội này thì không còn có vi phạm pháp luật nào khác; có khả năng tự cải tạo. Đối với bị cáo Vũ, mặc dù số tiền bị cáo tham gia đánh bạc là nhiều hơn các bị cáo khác nhưng cũng không phải là số tiền lớn. Các bị cáo đều có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Các bị cáo đều thuộc thành phần lao động, có bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội có tính bộc phát. Do vậy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6]. Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

1. Sửa bản án sơ thẩm 176/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Phan Minh Vũ, Dương Quốc T, Lê Văn C, Lê Đình Du, Lê Minh H và Nguyễn Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

– Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị D** 1 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

– Xử phạt bị cáo **Lê Văn C** 1 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

– Xử phạt bị cáo **Lê Minh H** 1 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

– Xử phạt bị cáo **Phan Minh V** 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

– Xử phạt bị cáo **Dương Quốc T** 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

– Xử phạt bị cáo **Lê Đình Du** 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

– Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Giao bị cáo D cho Ủy ban nhân dân phường TX, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân phường TA, Q12, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo Du cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường TH, Q7, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo C cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện BT, tỉnh BT để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích chế định án treo cho các bị cáo)./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (7)
- Dương sự; (0)
- Chi Cục THA Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (2)
- Công an Quận 12; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (7)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (32). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân